

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Niê Y Ling (Ma Bin) và ông Phạm Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Luân – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2025 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: 01/BH7 B, phường Ph, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Anh T (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Kim O (viết tắt là bị đơn) tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đã có hai con chung và cuộc sống gia đình ổn định, hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng hai năm gần đây gia đình xảy ra mâu thuẫn liên tục do cha mẹ, con cái bất đồng về quan điểm sống. Ông đã nhiều lần cố gắng hoà giải, thương lượng để giữ gìn hạnh phúc gia đình

nhưng không được. Ông thường xuyên bị vợ khoá cửa không cho vào nhà và có hành vi thiếu tôn trọng quá mức. Mối quan hệ giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân được hơn một năm. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bị đơn. Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1988 và Nguyễn Thị Tố Nh, sinh ngày 07/8/1992, đều đã trưởng thành và có công việc ổn định. Về tài sản chung: Có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản chung ngày 26/12/2024.

Bị đơn có ý kiến trình bày: Không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự chia xong, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết. Về con chung: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, con chung, xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, không thống nhất ly hôn.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện tài sản chung. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày hai bên tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; bị đơn không có ý gì. Như vậy, xác định nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn là có cơ sở. Việc chung

sống giữa hai bên sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.*”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Tại phiên toà, bị đơn thừa nhận không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1988 và Nguyễn Thị Tố Nh, sinh ngày 07/8/1992. Xét các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản chung, bị đơn không làm đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung. Xét việc nguyên đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001903 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự trả cho nguyên đơn 54.000.000đ tiền tạm ứng án phí do rút yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Kim O.

Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 26/10/1988 và Nguyễn Thị Tố Nh sinh ngày 07/8/1992, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung.

Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0001903 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh. Trả cho nguyên đơn Nguyễn Anh T 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0001954 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIỀN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

BÙI CHÂU KHA

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG